

Sở Giáo dục và Đào tạo Bà Rịa – Vũng Tàu
 Kỳ thi: Tuyển sinh lớp 10 năm học 2025-2026
 Khóa ngày: 5-7/6/2025
 Hội đồng: THPT Nguyễn Trãi

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢNG GHI ĐIỂM THI

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
1	420001	Nguyễn Hữu Bình An		09/11/2010	THCS Trần Hưng Đạo	5.75	7.50	5.25	18.50
2	420002	Nguyễn Phúc Thiên An	x	12/12/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.75	6.75	9.75	22.25
3	420003	Nguyễn Quỳnh Khánh An	x	20/05/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	6.00	5.50	7.00	18.50
4	420004	Lê Đình Anh		21/11/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.25	9.00	4.00	18.25
5	420005	Nguyễn Hoàng Kỳ Anh		23/07/2010	THCS Hà Huy Tập	5.00	9.00	5.50	19.50
6	420006	Nguyễn Hoàng Tuấn Anh		24/05/2009	THCS Trần Hưng Đạo	4.50	7.75	6.00	18.25
7	420007	Nguyễn Ngọc Anh	x	01/11/2010	THCS Châu Đức	5.50	5.25	5.50	16.25
8	420008	Nguyễn Ngọc Châu Anh	x	11/09/2010	THCS Châu Đức	7.25	6.75	3.25	17.25
9	420009	Lê Ngọc Phương Anh	x	05/05/2010	THCS Châu Đức	5.25	3.25	3.00	11.50
10	420010	Đỗ Nhật Anh		13/10/2010	THCS Phan Đình Phùng	4.50	5.00	1.25	10.75
11	420011	Phan Phước Quốc Anh		06/09/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.00	5.50	4.00	14.50
12	420012	Nguyễn Trâm Anh	x	03/07/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	5.00	2.50	1.50	9.00
13	420013	Nguyễn Hoàng Nhật Ánh	x	15/01/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	6.25	7.00	3.50	16.75
14	420014	Nguyễn Lê Ngọc Ánh	x	02/03/2010	THCS Cao Bá Quát	6.25	5.00	3.75	16.00
15	420015	Nguyễn Đức Ân		02/06/2010	THCS Trần Hưng Đạo	6.00	7.50	6.75	20.25
16	420016	Bạch Ngọc Ân	x	14/11/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	5.75	8.25	4.50	18.50
17	420017	Hồ Nguyễn Hồng Ân	x	04/05/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	3.00	3.50	2.00	8.50
18	420018	Nguyễn Nhật Thiên Ân		23/10/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	4.00	2.75	1.50	8.25
19	420019	Trần Thiên Ân		24/10/2010	THCS Hà Huy Tập	6.00	8.75	5.25	20.00
20	420020	Lê Vũ Thiên Ân		27/04/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	7.00	8.75	3.25	19.00
21	420021	Đặng Bảo		05/06/2010	THCS Châu Đức	5.00	8.75	4.00	18.75
22	420022	Nguyễn Đức Gia Bảo		15/02/2010	THCS Châu Đức	5.75	8.75	4.75	19.25
23	420023	Phan Hoài Bảo		07/09/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.50	6.25	6.00	17.75
24	420024	Nguyễn Hoàng Gia Bảo		01/05/2010	THCS Hà Huy Tập	5.75	6.75	6.25	18.75
25	420025	Nguyễn Hoàng Gia Bảo		03/08/2010	THCS Hà Huy Tập	5.00	5.75	4.50	15.25
26	420026	Nguyễn Hoàng Thiên Bảo		23/06/2010	THCS Châu Đức	4.75	3.75	2.50	11.00
27	420027	Nguyễn Lê Gia Bảo		17/10/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	4.50	0.50	6.25	11.25
28	420028	Phạm Nguyễn Quốc Bảo		28/07/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	6.00	4.75	3.50	14.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
29	420029	Bùi Nguyễn Tiến Bảo		12/11/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	4.25	5.75	7.25	17.25
30	420030	Trần Phi Bảo		20/01/2010	THCS Hà Huy Tập	3.75	7.00	5.50	16.25
31	420031	Lưu Quốc Bảo		29/08/2010	THCS Trần Hưng Đạo	5.50	6.50	6.75	18.75
32	420032	Nguyễn Trần Gia Bảo		20/07/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	6.00	6.00	5.75	17.75
33	420033	Dương Trần Thái Bảo		17/12/2010	THCS Trần Hưng Đạo	7.25	8.25	5.50	22.00
34	420034	Cao Văn Thiên Bảo		14/02/2010	THCS Châu Đức	3.50	1.50	1.50	6.50
35	420035	Bùi Hoài Bằng	x	06/12/2009	THCS Châu Đức	5.00	3.00	2.50	10.50
36	420036	Ngô Hoài Nhã Bằng	x	11/12/2010	THCS Cao Bá Quát	5.00	5.50	5.25	16.75
37	420037	Trần An Bình		09/04/2010	THCS Hà Huy Tập	6.00	6.25	6.25	18.50
38	420038	Nguyễn Ngọc Phương Bình	x	12/03/2010	THCS Châu Đức	5.50	7.00	4.50	17.00
39	420039	Bùi Lê Bảo Châu	x	20/05/2010	THCS Châu Đức	4.75	6.50	3.25	14.50
40	420040	Lê Ngọc Bảo Châu	x	21/06/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.00	7.25	4.00	16.25
41	420041	Lê Chí Cường		29/10/2010	THCS Trần Hưng Đạo	4.50	8.25	5.25	18.00
42	420042	Trần Nguyễn Thế Danh		08/02/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	5.75	7.50	3.50	16.75
43	420043	Nguyễn Thành Danh		06/07/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	6.00	6.50	5.00	18.50
44	420044	Ngô Thanh Thiên Di	x	10/08/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	5.50	7.75	6.00	19.25
45	420045	Nguyễn Lê Minh Diễm	x	27/09/2010	THCS Trần Hưng Đạo	6.50	6.25	7.75	20.50
46	420046	Nguyễn Ngọc Diệp	x	29/07/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	7.00	6.50	5.25	18.75
47	420047	Tô Đoàn Thanh Diệu	x	18/09/2010	THCS Cao Bá Quát	5.25	3.75	3.25	13.25
48	420048	Nguyễn Thị Diệu	x	14/12/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	4.50	3.25	2.50	10.25
49	420049	Huỳnh Thị Quý Dung	x	06/09/2010	THCS Phan Đình Phùng	4.75	8.50	6.75	20.00
50	420050	Trần Duy		28/06/2010	THCS Hà Huy Tập	4.50	6.75	6.50	17.75
51	420051	Trần Anh Duy		20/12/2009	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.50	2.75	2.75	11.00
52	420052	Nguyễn Hoàng Bảo Duy		27/09/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	4.25	8.50	2.00	14.75
53	420053	Nguyễn Hoàng Quốc Duy		23/01/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	3.50	6.25	5.75	15.50
54	420054	Trần Thị Mỹ Duyên	x	23/10/2010	THCS Lê Lợi	6.75	8.25	6.25	21.25
55	420055	Dương Thị Thanh Duyên	x	04/11/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.75	6.50	7.50	20.75
56	420056	Huỳnh Văn Dũng		25/11/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	3.75	3.75	2.00	9.50
57	420057	Bùi Đại Dương		16/05/2010	THCS Trần Hưng Đạo	6.00	6.75	3.50	16.25
58	420058	Nguyễn Ngọc Đình Đan	x	10/12/2010	THCS Châu Đức	3.50	6.00	4.00	13.50
59	420059	Phạm Phúc Đạt		07/08/2010	THCS Cao Bá Quát	3.25	6.25	3.50	14.00

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
60	420060	Nguyễn Quốc Đạt		24/03/2009	THCS Trần Hưng Đạo	3.25	4.25	3.75	11.25
61	420061	Huỳnh Bạch Tâm Đăng		13/07/2010	THCS Phan Đình Phùng	7.00	8.75	6.25	22.00
62	420062	Nguyễn Hải Đăng		23/11/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	6.00	8.50	6.25	20.75
63	420063	Nguyễn Hoàng Hải Đăng		30/05/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	4.50	7.50	3.50	15.50
64	420064	Hồ Minh Đăng		21/06/2010	THCS Phan Đình Phùng	7.00	7.25	3.25	17.50
65	420065	Nguyễn Mạnh Đình		06/06/2010	THCS Phan Đình Phùng	6.00	7.00	2.25	15.25
66	420066	Hồ Văn Đô		08/02/2010	THCS Châu Đức	6.50	5.75	3.25	15.50
67	420067	Nguyễn Hoàng Đức		28/12/2010	THCS Châu Đức	6.25	5.75	4.25	16.25
68	420068	Trương Hòa Minh Đức		05/01/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	5.00	7.25	5.00	17.25
69	420069	Nguyễn Minh Đức		30/12/2009	THCS Nguyễn Trường Tộ	5.00	6.25	3.75	15.00
70	420070	Phan Việt Đức		10/08/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	4.00	4.50	2.50	11.00
71	420071	Nguyễn Thị Hương Giang	x	23/06/2010	THCS Châu Đức	4.75	1.50	1.75	8.00
72	420072	Trần Vũ Trường Giang		07/01/2010	THCS Châu Đức	5.50	5.50	4.50	15.50
73	420073	Trần Lê Thúy Hà	x	21/03/2010	THCS Phan Đình Phùng	6.00	6.50	3.00	15.50
74	420074	Vũ Anh Hào		04/10/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	3.75	7.75	5.50	17.00
75	420075	Nguyễn Hoàng Diễm Hằng	x	03/11/2009	THCS Hà Huy Tập	7.00	6.50	4.25	17.75
76	420076	Bùi Thị Minh Hằng	x	18/05/2010	THCS Trần Hưng Đạo	6.75	4.75	3.00	15.50
77	420077	Trần Gia Hân	x	25/10/2010	THCS Phan Đình Phùng	7.25	6.50	4.25	18.00
78	420078	Trịnh Gia Hân	x	17/05/2010	THCS Lê Lợi	6.00	8.50	7.00	21.50
79	420079	Lương Khánh Hân	x	09/11/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	6.50	4.00	4.75	16.25
80	420080	Nguyễn Ngọc Bảo Hân	x	18/01/2010	THCS Phan Đình Phùng	5.75	6.75	5.00	17.50
81	420081	Nguyễn Ngọc Gia Hân	x	29/10/2010	THCS Hà Huy Tập	7.00	6.25	5.00	18.25
82	420082	Lê Nguyễn Gia Hân	x	16/10/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	6.00	8.50	5.50	20.00
83	420083	Lê Nguyễn Khả Hân	x	18/09/2010	THCS Phan Đình Phùng	8.25	8.25	6.25	22.75
84	420084	Lê Văn Hậu		13/07/2010	THCS Trần Hưng Đạo	6.25	6.00	5.00	17.25
85	420085	Trần Hữu Hiếu		06/01/2010	THCS Cao Bá Quát	4.25	4.00	4.25	13.50
86	420086	Lê Trung Hiếu		17/08/2010	THCS Cao Bá Quát	6.00	0.75	3.25	10.00
87	420087	Vũ Ngọc Hoài	x	03/03/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	7.50	8.00	4.25	19.75
88	420088	Phạm Huy Hoàng		23/01/2010	THCS Phan Đình Phùng	6.50	6.75	4.75	18.00
89	420089	Nguyễn Minh Hoàng		01/01/2010	THCS Châu Đức	6.00	5.50	1.75	13.25
90	420090	Nguyễn Ngọc Minh Hoàng		05/05/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	7.50	3.75	4.25	15.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
91	420091	Trương Nhật Hoàng		01/01/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.50	6.00	9.00	20.50
92	420092	Dương Trần Huy Hoàng		01/05/2010	THCS Châu Đức	6.50	4.75	4.25	15.50
93	420093	Lê Thừa Huy		05/11/2010	THCS Châu Đức	6.00	4.25	3.25	13.50
94	420094	Hoàng Trần Ngọc Huyền	x	14/01/2010	THCS Hà Huy Tập	5.25	6.75	4.00	16.00
95	420095	Bùi Lê Anh Hùng		16/11/2009	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	4.25	3.75	1.25	9.25
96	420096	Nguyễn Minh Hùng		09/05/2010	THCS Phan Đình Phùng	5.25	8.25	5.75	19.25
97	420097	Nguyễn Duy Hưng		31/07/2010	THCS Trần Hưng Đạo	5.75	8.50	7.75	22.00
98	420098	Lê Minh Hưng		06/11/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	3.00	7.00	5.25	15.25
99	420099	Nguyễn Quang Hưng		29/09/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	3.00	4.50	2.25	9.75
100	420100	Nguyễn Quốc Hưng		01/09/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	4.00	4.00	2.25	10.25
101	420101	Đặng Tiến Hưng		15/08/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	2.25	5.25	4.00	11.50
102	420102	Nguyễn Vĩnh Hưng		05/02/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.00	6.50	5.00	16.50
103	420103	Hoàng Ngọc Thu Hương	x	06/11/2010	THCS Trần Hưng Đạo	6.75	7.50	5.75	21.00
104	420104	Lê Quỳnh Hương	x	11/07/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	6.00	6.50	6.00	18.50
105	420105	Phạm Bảo Khang		27/04/2010	THCS Phan Đình Phùng	4.50	3.50	5.25	13.25
106	420106	Nguyễn Đặng Gia Khang		07/04/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	5.75	2.50	4.50	12.75
107	420107	Đào Nguyễn Minh Khang		16/03/2010	THCS Quảng Thành	4.50	6.50	5.25	16.25
108	420108	Tchang Tuấn Khang		08/08/2010	THCS Cao Bá Quát	4.00	6.25	4.25	15.50
109	420109	Trần Văn Khang		18/04/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.00	7.00	2.50	14.50
110	420110	Trần Vũ Nguyên Khang		22/11/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	4.25	7.50	4.00	15.75
111	420111	Cao Hoàng Nhật Khanh		29/05/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	3.50	3.50	4.00	11.00
112	420112	Lê Nam Khánh		29/03/2010	THCS Châu Đức	5.50	8.75	4.50	18.75
113	420113	Nguyễn Quốc Khánh		02/09/2010	THCS Trần Hưng Đạo	5.00	3.25	4.75	13.00
114	420114	Phạm Đăng Khôi		21/09/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	5.25	8.50	4.50	18.25
115	420115	Lê Hoàng Đăng Khôi		21/02/2010	THCS Châu Đức	2.75	5.50	5.25	13.50
116	420116	Lê Hoàng Minh Khôi		27/07/2010	THCS Trần Hưng Đạo	6.75	8.00	7.00	21.75
117	420117	Nguyễn Hồng Đăng Khôi		14/01/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	4.25	6.50	2.50	13.25
118	420118	Hoàng Trung Kiên		22/01/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	3.25	2.00	2.75	8.00
119	420119	Trần Anh Kiệt		08/08/2010	THCS Phan Đình Phùng	4.00	5.50	3.75	13.25
120	420120	Võ Khắc Anh Kiệt		23/03/2010	THCS Trần Hưng Đạo	6.75	8.25	4.75	19.75
121	420121	Hoàng Lê Tuấn Kiệt		17/07/2010	THCS Châu Đức	4.25	6.75	3.75	14.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
122	420122	Võ Nguyễn Quỳnh Lam	x	28/10/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	4.00	5.50	2.50	12.00
123	420123	Nguyễn Tường Lam	x	29/08/2010	THCS Trần Hưng Đạo	5.75	7.50	6.25	19.50
124	420124	Trần Ngọc Lan	x	08/11/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	5.75	5.75	5.00	16.50
125	420125	Nguyễn Phú Lâm		21/04/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	4.75	4.50	4.25	13.50
126	420126	Phạm Tùng Lâm		02/02/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.00	6.25	6.00	17.25
127	420127	Võ Hoàng Khánh Linh	x	02/07/2010	THCS Châu Đức	4.75	5.75	2.75	13.25
128	420128	Đỗ Nguyễn Duy Linh	x	16/09/2010	THCS Cao Bá Quát	6.75	6.00	5.50	19.25
129	420129	Vũ Nguyễn Nhật Linh	x	05/09/2010	THCS Phan Đình Phùng	5.25	8.00	5.75	19.00
130	420130	Nguyễn Thị Thùy Linh	x	16/10/2010	THCS Hà Huy Tập	5.25	6.50	4.00	15.75
131	420131	Hà Trần Phương Linh	x	12/05/2010	THCS Phan Đình Phùng	5.00	8.25	7.00	20.25
132	420132	Lâm Nguyễn Phong Linh		10/03/2010	THCS Phan Đình Phùng	5.25	6.75	5.00	17.00
133	420133	Lâm Nhật Long		08/08/2010	THCS Châu Đức	4.50	5.75	3.50	13.75
134	420134	Trương Phi Long		16/02/2010	THCS Cao Bá Quát	5.25	6.00	5.75	18.00
135	420135	Nguyễn Thành Long		13/10/2009	THCS Trần Hưng Đạo				0.00
136	420136	Nguyễn Tấn Lộc		25/09/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	5.25	5.50	2.50	13.25
137	420137	Nguyễn Thành Luân		10/01/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	4.25	4.25	3.75	12.25
138	420138	Trần Ngọc Khánh Ly	x	04/01/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	7.25	6.75	5.75	19.75
139	420139	Hàn Nguyễn Khánh Ly	x	02/09/2009	THCS Hà Huy Tập	6.50	5.50	5.75	17.75
140	420140	Trần Nguyễn Khánh Ly	x	13/08/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	5.25	7.00	4.00	16.25
141	420141	Trang Ngọc Mai	x	28/08/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	7.50	4.25	3.75	15.50
142	420142	Nguyễn Thanh Mai	x	05/03/2010	THCS Trần Hưng Đạo	4.00	7.00	5.00	16.00
143	420143	Lê Đình Mạnh		04/04/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	5.50	6.75	4.75	17.00
144	420144	Võ Ngô Đức Mạnh		15/06/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.00	8.25	5.50	18.75
145	420145	Nguyễn Anh Minh		11/04/2010	THCS Kim Long	3.75	6.00	3.75	13.50
146	420146	Hồ Bảo Minh		24/05/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	5.50	6.00	2.50	14.00
147	420147	Nguyễn Bình Minh		10/11/2010	THCS Châu Đức	5.75	8.00	5.50	19.25
148	420148	Nguyễn Duy Minh		24/01/2010	THCS Châu Đức	6.50	8.25	8.75	23.50
149	420149	Nguyễn Nhật Minh		14/11/2010	THCS Cao Bá Quát	6.75	5.75	6.75	20.25
150	420150	Nguyễn Tiến Minh		08/11/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.75	5.00	3.00	13.75
151	420151	Đỗ Hoàng My	x	12/01/2010	THCS Cao Bá Quát	6.50	5.75	4.25	17.50
152	420152	Lê My My	x	30/10/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	6.25	6.00	5.50	17.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
153	420153	Trịnh Nữ Thảo My	x	01/02/2010	THCS Hà Huy Tập	5.75	8.25	4.00	18.00
154	420154	Nguyễn Phạm Tuyết My	x	03/06/2010	THCS Trần Hưng Đạo	6.25	5.50	8.00	19.75
155	420155	Nguyễn Quỳnh Thảo My	x	08/06/2010	THCS Hà Huy Tập	6.25	7.25	6.50	20.00
156	420156	Trần Thanh My	x	22/01/2010	THCS Trần Hưng Đạo	7.00	6.75	5.25	19.00
157	420157	Nguyễn Trà My	x	25/05/2010	THCS Hà Huy Tập	5.75	8.50	5.75	20.00
158	420158	Hoàng Bảo Nam		02/04/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	5.75	8.75	6.25	20.75
159	420159	Nguyễn Ngọc Nam		26/10/2010	THCS Cao Bá Quát	5.75	3.25	3.75	13.75
160	420160	Voòng Nhật Nam		23/08/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	5.25	5.25	5.25	16.75
161	420161	Nguyễn Quốc Nam		02/11/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	6.00	6.75	7.00	19.75
162	420162	Nguyễn Thị Tuyết Nga	x	04/02/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	7.00	5.00	3.50	15.50
163	420163	Trần Thị Quỳnh Ngân	x	21/10/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	4.50	5.50	2.50	12.50
164	420164	Nguyễn Hoàng Bảo Ngọc	x	27/07/2010	THCS Châu Đức	6.75	5.25	3.75	15.75
165	420165	Nguyễn Khánh Ngọc	x	02/02/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	4.50	5.25	3.00	12.75
166	420166	Trần Lê Bảo Ngọc	x	13/08/2010	THCS Cao Bá Quát	5.25	6.75	5.00	19.00
167	420167	Phạm Lê Minh Ngọc		11/04/2010	THCS Châu Đức	5.00	4.75	1.25	11.00
168	420168	Vòng Mỹ Ngọc	x	20/02/2010	THCS Châu Đức	7.00	5.25	4.25	17.50
169	420169	Nguyễn Thanh Ngọc	x	01/11/2010	THCS Hà Huy Tập	5.50	7.75	5.50	18.75
170	420170	Nguyễn Thị Ngọc	x	21/10/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	4.50	4.00	2.25	10.75
171	420171	Nguyễn Thị Kim Ngọc	x	26/09/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	5.50	6.50	5.50	18.50
172	420172	Phan Thị Kim Ngọc	x	20/11/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.75	4.25	2.25	12.25
173	420173	Phạm Hoàng Nguyên		02/10/2010	THCS Hà Huy Tập	4.75	8.25	4.50	17.50
174	420174	Trần Ngọc Thảo Nguyên	x	21/08/2010	THCS Cao Bá Quát	5.25	2.25	2.25	9.75
175	420175	Đinh Thảo Nguyên	x	10/12/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	4.50	6.00	5.75	16.25
176	420176	Đào Thị Thảo Nguyên	x	08/09/2010	THCS Châu Đức				1.00
177	420177	Nguyễn Trung Nguyên		15/07/2010	THCS Cao Bá Quát	5.25	5.25	3.50	14.00
178	420178	Nguyễn Thị Ánh Nguyệt	x	15/08/2010	THCS Hà Huy Tập	5.00	8.00	3.75	16.75
179	420179	Nguyễn Thị Thanh Nhân	x	12/06/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	4.50	6.75	5.00	16.25
180	420180	Đặng Hữu Nhân		24/01/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	7.00	6.00	8.50	21.50
181	420181	Lê Minh Nhật		13/12/2010	THCS Châu Đức	4.25	6.25	2.75	13.25
182	420182	Lê Sĩ Nhật		04/04/2010	THCS Trần Hưng Đạo	4.50	5.50	3.00	13.00
183	420183	Đặng Hoàng Hiệu Nhi	x	27/07/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	4.25	8.50	3.50	16.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
184	420184	Nguyễn Huỳnh Bảo Nhi	x	29/07/2010	THCS Châu Đức	7.50	9.00	8.00	24.50
185	420185	Hoàng Mai Nhi	x	09/06/2010	THCS Châu Đức	4.00	4.25	2.25	10.50
186	420186	Chu Ngọc Bảo Nhi	x	04/04/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	6.00	6.50	4.50	17.00
187	420187	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	x	23/11/2010	THCS Cao Bá Quát	6.00	7.50	7.00	21.50
188	420188	Trần Ngọc Yến Nhi	x	12/04/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.50	5.75	2.75	14.00
189	420189	Đỗ Nguyễn Yến Nhi	x	16/02/2010	THCS Nguyễn Công Trứ (CĐ)	7.00	6.75	8.25	22.00
190	420190	Nguyễn Thị Yến Nhi	x	20/09/2010	THCS Châu Đức	6.00	5.25	3.75	15.00
191	420191	Nguyễn Thị Yến Nhi	x	07/03/2010	THCS Quảng Thành	6.25	8.25	7.00	21.50
192	420192	Nguyễn Trần An Nhi	x	25/07/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	6.75	7.75	6.50	21.00
193	420193	Cao Ý Nhi	x	08/07/2010	THCS Hà Huy Tập	6.75	8.25	6.50	21.50
194	420194	Nguyễn Ý Nhi	x	26/10/2010	THCS Phan Đình Phùng	6.00	6.25	4.50	16.75
195	420195	Nguyễn Hoàng Mỹ Nhung	x	23/09/2010	THCS Châu Đức	6.75	5.50	5.75	18.00
196	420196	Nguyễn Thị Yến Nhung	x	01/10/2010	THCS Trần Hưng Đạo	6.50	4.25	3.75	14.50
197	420197	Đoàn Ngọc Quỳnh Như	x	21/06/2010	THCS Kim Long	4.50	2.50	3.00	10.00
198	420198	Nguyễn Thị Quỳnh Như	x	06/05/2010	THCS Quảng Thành	7.50	4.25	3.25	15.00
199	420199	Trương Hoài Sân Ni	x	16/10/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	8.25	6.75	6.25	21.25
200	420200	Nguyễn Đình Phong		26/11/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	4.25	4.00	3.75	12.00
201	420201	Phan Vũ Hoàng Phong		08/01/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	6.00	7.25	4.25	17.50
202	420202	Dương Anh Phú		06/08/2009	THCS Phan Đình Phùng	6.75	3.25	2.75	13.75
203	420203	Lâm Hoàng Phúc		28/10/2010	THCS Cao Bá Quát	3.50	2.00	2.00	8.50
204	420204	Trần Hoàng Phúc		14/09/2010	THCS Cao Bá Quát	4.75	5.50	5.00	16.25
205	420205	Hoàng Lê Mai Phương	x	13/08/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	6.75	5.50	3.00	15.25
206	420206	Nguyễn Ngọc Nhã Phương	x	14/05/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	6.25	6.75	5.75	18.75
207	420207	Nguyễn Đức Phước		04/02/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	5.25	4.50	1.50	11.25
208	420208	Lê Công Quang		11/11/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.75	2.75	2.50	11.00
209	420209	Nguyễn Duy Quân		18/07/2010	THCS Hà Huy Tập	3.25	7.75	3.75	14.75
210	420210	Hồ Hoàng Bảo Quân		09/11/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	5.75	6.00	6.25	18.00
211	420211	Nguyễn Minh Quân		01/01/2010	THCS Châu Đức	5.00	5.00	2.50	12.50
212	420212	Trần Vũ Minh Quân		04/03/2010	THCS Cao Bá Quát	5.50	3.00	4.25	13.75
213	420213	Hoàng Đan Quyên	x	23/04/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	6.75	7.25	5.50	19.50
214	420214	Nguyễn Thị Ngọc Quyên	x	07/07/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	4.50	4.75	3.00	12.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
215	420215	Nguyễn Ngọc Khánh Quỳnh	x	19/03/2010	THCS Châu Đức	6.50	5.50	5.00	17.00
216	420216	Trần Nguyễn Diễm Quỳnh	x	25/01/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	7.00	4.25	1.25	12.50
217	420217	Hàn Nguyễn Như Quỳnh	x	07/01/2010	THCS Hà Huy Tập	6.75	8.00	6.50	21.25
218	420218	Nguyễn Thị Như Quỳnh	x	09/12/2010	THCS Châu Đức	5.00	6.50	3.00	14.50
219	420219	Nguyễn Võ Diễm Quỳnh	x	11/03/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	8.00	8.75	6.50	23.25
220	420220	Hồ Thanh Sang		15/11/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	6.50	8.75	6.25	21.50
221	420221	Võ Hoàng Giáng Sơn	x	22/02/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	6.00	7.75	4.75	18.50
222	420222	Nguyễn Như Sơn		25/10/2009	THCS Cao Bá Quát				0.00
223	420223	Phạm Tấn Tài		08/02/2010	THCS Cao Bá Quát	5.50	5.50	3.25	15.25
224	420224	Hồ Việt Tài		03/01/2010	THCS Châu Đức	6.50	6.50	3.25	16.25
225	420225	Nguyễn Minh Tâm		20/04/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	3.50	7.50	5.50	16.50
226	420226	Cái Trần Minh Tâm		11/12/2010	THCS Châu Đức	5.00	5.50	2.25	12.75
227	420227	Nguyễn Vĩnh Tân		19/10/2010	THCS Châu Đức	6.75	6.75	5.00	18.50
228	420228	Nguyễn Hoàn Thành		13/12/2010	THCS Châu Đức	5.50	7.00	2.75	15.25
229	420229	Trương Ngọc Thành		25/07/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	4.50	3.25	3.50	11.25
230	420230	Nguyễn Ngọc Đan Thảo	x	24/09/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	7.00	5.25	4.25	16.50
231	420231	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	x	27/06/2010	THCS Phan Đình Phùng	5.50	6.50	4.25	16.25
232	420232	Nguyễn Thị Phương Thảo	x	28/03/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	7.00	5.50	5.75	18.25
233	420233	Lê Quang Thái		02/09/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.00	4.75	3.75	13.50
234	420234	Đặng Hoàng Thạch		25/09/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	6.50	9.25	3.75	19.50
235	420235	Nguyễn Thị Hoa Thắm	x	15/02/2010	THCS Cao Bá Quát	6.25	5.75	4.75	16.75
236	420236	Nguyễn Phương Bảo Thi	x	09/01/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.50	2.75	3.50	11.75
237	420237	Đinh Bảo Thiên		16/05/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	5.50	6.75	4.00	16.25
238	420238	Trịnh Hoàng Gia Thịnh		17/01/2010	THCS Châu Đức	6.50	6.25	7.00	19.75
239	420239	Nguyễn Phú Thịnh		02/01/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	6.50	8.00	4.50	19.00
240	420240	Đoàn Nguyên Thuận		09/11/2010	THCS Quảng Thành	6.75	6.75	5.00	18.50
241	420241	Nguyễn Thanh Phương Thùy	x	02/11/2009	THCS Nguyễn Trường Tộ	6.50	6.50	3.00	16.00
242	420242	Lê Nguyễn Thanh Thủy	x	28/05/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.00	4.75	4.25	14.00
243	420243	Huỳnh Thanh Thúy	x	25/11/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	5.75	9.00	8.50	23.25
244	420244	Võ Thị Thanh Thúy	x	17/01/2009	THCS Phan Đình Phùng				0.00
245	420245	Đoàn Lê Anh Thư	x	16/11/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	6.75	6.50	3.50	16.75

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
246	420246	Phạm Ngọc Minh Thư	x	02/02/2008	THCS Phan Đình Phùng				0.00
247	420247	Võ Ngọc Minh Thư	x	30/07/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	7.00	6.25	3.50	16.75
248	420248	Hồ Song Thư	x	28/12/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.25	5.00	3.50	13.75
249	420249	Nguyễn Song Anh Thư	x	30/07/2010	THCS Trần Hưng Đạo	8.00	8.00	4.50	20.50
250	420250	Phạm Thị Anh Thư	x	29/06/2010	THCS Quảng Thành	5.00	3.50	4.25	12.75
251	420251	Cái Thị Minh Thư	x	10/07/2010	THCS Châu Đức	7.00	7.50	6.50	21.00
252	420252	Hoàng Thị Minh Thư	x	26/11/2010	THCS Châu Đức	5.00	6.50	2.75	14.25
253	420253	Nguyễn Thụy Quỳnh Thư	x	02/10/2010	THCS Phan Đình Phùng	5.75	7.50	3.75	17.00
254	420254	Ngô Trần Minh Thư	x	25/05/2010	THCS Châu Đức	4.25	3.50	2.50	10.25
255	420255	Đặng Ngọc Bảo Thy	x	21/03/2010	THCS Phan Đình Phùng	5.50	5.50	3.00	15.00
256	420256	Trần Nguyễn Bảo Thy	x	19/11/2009	THCS Trần Hưng Đạo	6.25	4.25	4.50	15.00
257	420257	Lê Thị Khánh Thy	x	19/05/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	6.75	6.00	4.25	17.00
258	420258	Phạm Cẩm Tiên	x	01/02/2010	THCS Trần Hưng Đạo	4.50	5.00	3.50	13.00
259	420259	Lê Ngọc Thủy Tiên	x	18/10/2010	THCS Cao Bá Quát	5.75	6.75	7.00	20.50
260	420260	Nghiêm Thị Thuỷ Tiên	x	05/02/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	6.50	6.25	3.75	16.50
261	420261	Lê Thủy Tiên	x	29/12/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	3.50	6.00	2.25	11.75
262	420262	Nguyễn Hữu Tiến		23/08/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.25	3.00	2.50	10.75
263	420263	Phan Ngọc Tiến		17/05/2010	THCS Cao Bá Quát	2.25	1.75	2.00	7.00
264	420264	Đặng Minh Tịnh		19/01/2010	THCS Phan Đình Phùng	4.25	6.00	3.50	13.75
265	420265	Phan Ngọc Thu Trang	x	10/07/2010	THCS Châu Đức	6.25	6.50	5.25	18.00
266	420266	Nguyễn Thị Thùy Trang	x	25/09/2010	THCS Phan Đình Phùng	5.75	6.25	4.25	16.25
267	420267	Nguyễn Thị Kiều Trâm	x	02/01/2010	THCS Lý Thường Kiệt	7.00	7.75	3.00	17.75
268	420268	Ngô Trương Ngọc Trâm	x	24/01/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	3.00	2.00	4.25	9.25
269	420269	Lê Nguyễn Ngọc Trân	x	21/05/2010	THCS Quảng Thành	5.75	6.75	4.25	16.75
270	420270	Thạch Uyên Trân	x	02/04/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	3.25	1.25	2.75	8.25
271	420271	Nguyễn Ngọc Triệu		06/08/2010	THCS Quảng Thành	7.25	8.75	5.25	21.25
272	420272	Lê Cao Yến Trinh	x	13/12/2010	THCS Quảng Thành	5.50	4.25	2.75	12.50
273	420273	Phạm Thị Khánh Trinh	x	13/08/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	4.50	5.50	2.75	12.75
274	420274	Nguyễn Thị Mỹ Trinh	x	03/10/2010	THCS Phan Đình Phùng	4.25	7.75	3.75	15.75
275	420275	Trần Đoàn Minh Trí		09/03/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	3.50	5.50	8.75	17.75
276	420276	Nguyễn Lê Công Trí		14/12/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	5.00	4.00	3.50	12.50

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
277	420277	Trần Minh Trí		20/10/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.00	6.50	5.50	17.00
278	420278	Lê Quang Trí		04/04/2010	THCS Châu Đức	4.75	6.75	4.50	16.00
279	420279	Lê Sĩ Trung		08/11/2010	THCS Trần Hưng Đạo	4.50	6.00	3.75	14.25
280	420280	Trang Ngọc Trúc	x	28/08/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	4.50	2.25	1.75	8.50
281	420281	Trần Thị Nhã Trúc	x	10/07/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	3.50	1.50	2.75	7.75
282	420282	Hồ Thị Thanh Trúc	x	23/06/2010	THCS Quảng Thành	6.75	7.50	4.50	18.75
283	420283	Lưu Trần Thủy Trúc	x	12/12/2010	THCS Trần Hưng Đạo	6.50	7.25	5.25	19.00
284	420284	Nguyễn Xuân Trúc	x	03/03/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.00	2.75	3.75	11.50
285	420285	Ngô Chí Tuấn		28/05/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	3.00	6.75	6.00	15.75
286	420286	Vũ Đức Tuấn		30/01/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.25	5.75	7.50	18.50
287	420287	Trần Hoàng Tuấn		01/12/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	6.50	8.00	5.25	20.75
288	420288	Trần Quang Tuấn		07/08/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	6.75	7.75	4.50	19.00
289	420289	Lê Quốc Tuấn		24/12/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.25	6.25	4.25	15.75
290	420290	Nguyễn Quốc Tuấn		22/10/2008	THCS Nguyễn Trường Tộ	3.25	2.75	3.50	9.50
291	420291	Trương Gia Tuệ	x	25/10/2010	THCS Trần Hưng Đạo	6.50	7.25	5.25	19.00
292	420292	Đoàn Thị Mộng Tuyền	x	15/06/2010	THCS Phan Đình Phùng	4.75	6.00	3.00	13.75
293	420293	Lê Thị Thanh Tuyền	x	06/02/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	6.50	5.25	3.00	14.75
294	420294	Nguyễn Hoàng Bảo Tuyền	x	14/09/2010	THCS Châu Đức	5.00	6.00	4.75	15.75
295	420295	Lê Huỳnh Thiên Tú	x	11/09/2010	THCS Phan Đình Phùng	6.00	5.25	5.75	17.00
296	420296	Võ Kiều Cẩm Tú	x	01/04/2010	THCS Cao Bá Quát	6.75	6.50	4.50	18.75
297	420297	Phan Tuấn Tú		07/04/2010	THCS Trần Hưng Đạo	6.00	6.75	7.25	20.00
298	420298	Nguyễn Bình Tú Uyên	x	30/09/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	6.25	5.75	5.00	17.00
299	420299	Nguyễn Ngọc Tú Uyên	x	27/08/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	5.25	5.50	2.50	13.25
300	420300	Lê Thị Bảo Uyên	x	15/01/2010	THCS Châu Đức	5.50	2.25	2.25	11.00
301	420301	Trần Thị Nhã Uyên	x	14/04/2010	THCS Trần Hưng Đạo	6.00	6.75	5.00	17.75
302	420302	Võ Thụy Thảo Uyên	x	12/12/2010	THCS Châu Đức	7.00	5.00	5.25	17.25
303	420303	Lê Thái Văn		22/11/2010	THCS Châu Đức	5.75	4.50	4.25	14.50
304	420304	Nguyễn Mỹ Thùy Vân	x	25/08/2010	THCS Hà Huy Tập	7.00	8.75	5.00	20.75
305	420305	Ngô Thanh Vân	x	04/11/2010	THCS Trần Hưng Đạo	8.25	8.25	6.00	22.50
306	420306	Nguyễn Thị Bảo Vi	x	19/02/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	7.00	6.75	3.50	17.25
307	420307	Nguyễn Tường Vi	x	16/08/2010	THCS Trần Hưng Đạo	6.50	6.50	6.25	19.25

TT	SBD	Họ và tên	Nữ	Ngày sinh	Học sinh trường	Điểm thi			Tổng điểm xét THPT
						Văn	Toán	Tiếng Anh	
308	420308	Trần Quốc Việt		27/03/2010	THCS Cao Bá Quát	6.50	4.25	3.25	15.00
309	420309	Trần Quang Vinh		23/03/2010	THCS Châu Đức	6.50	8.00	2.75	17.25
310	420310	Nguyễn Anh Vũ		10/10/2010	THCS Cao Bá Quát	4.75	1.25	2.00	9.00
311	420311	Nguyễn Công Lê Tuấn Vũ		18/11/2009	THCS Trần Hưng Đạo	7.00	6.75	3.25	17.00
312	420312	Nguyễn Hoàng Vũ		20/04/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	6.00	6.00	2.75	14.75
313	420313	Hồ Hoàng Minh Vũ		31/05/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	6.00	6.50	5.25	17.75
314	420314	Võ Lê Như Vũ		28/08/2010	THCS Trần Hưng Đạo	6.50	8.75	7.50	22.75
315	420315	Phạm Tuấn Vũ		29/03/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	5.75	8.00	9.00	22.75
316	420316	Lâu Dầu Vy	x	28/01/2010	THCS Châu Đức	4.75	5.50	5.50	16.75
317	420317	Phạm Đan Phương Vy	x	06/10/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.50	6.75	5.50	17.75
318	420318	Nguyễn Đoàn Tường Vy	x	25/09/2010	THCS Trần Hưng Đạo	8.00	7.75	8.25	24.00
319	420319	Nguyễn Hoài Khánh Vy	x	13/01/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	5.00	7.50	5.00	18.50
320	420320	Phạm Hoàng Phương Vy	x	26/10/2010	THCS Hà Huy Tập	6.00	8.50	5.75	20.25
321	420321	Nguyễn Lê Tường Vy	x	03/11/2010	THCS Nguyễn Trường Tộ	5.50	8.25	5.25	19.00
322	420322	Ngô Ngọc Thúy Vy	x	04/06/2009	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.25	4.75	3.75	13.75
323	420323	Đặng Nguyễn Phương Vy	x	21/03/2010	THCS Hà Huy Tập	6.50	8.00	4.25	18.75
324	420324	Lê Nguyễn Tường Vy	x	28/04/2010	THCS Châu Đức	7.25	7.00	6.25	20.50
325	420325	Lê Phương Vy	x	03/09/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	6.50	6.00	2.75	15.25
326	420326	Phan Quỳnh Tường Vy	x	17/08/2010	THCS Trần Hưng Đạo	7.00	6.25	4.50	17.75
327	420327	Trần Thảo Vy	x	08/02/2010	THCS Quảng Thành	7.00	5.50	3.50	16.00
328	420328	Đào Thị Cẩm Vy	x	30/06/2010	THCS Hà Huy Tập	3.75	5.75	3.50	13.00
329	420329	Trần Thị Phương Vy	x	12/05/2010	THCS Võ Trường Toản (CĐ)	6.50	5.75	5.75	19.00
330	420330	Bùi Thị Yến Vy	x	30/07/2010	THCS Nguyễn Huệ (CĐ)	6.50	5.75	4.25	16.50
331	420331	Nguyễn Văn Xuân		16/12/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	4.50	7.00	3.75	15.25
332	420332	Hồ Hải Yến	x	14/07/2010	THCS Trần Hưng Đạo	6.50	7.50	5.50	20.50
333	420333	Đỗ Hoàng Phi Yến	x	22/07/2010	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	5.00	6.50	5.50	17.00
334	420334	Lê Ngọc Phi Yến	x	09/10/2009	THCS Phan Bội Châu (CĐ)	6.75	6.00	3.75	16.50
335	420335	Đoàn Thị Hải Yến	x	20/05/2010	THCS Quảng Thành	5.25	6.75	3.50	15.50
336	420336	Lê Thị Hoàng Yến	x	16/08/2010	THCS Trần Hưng Đạo	7.00	6.75	8.00	21.75

Bảng này có 336 thí sinh. Có 331 thí sinh dự thi đủ môn.

* Tổng điểm xét tuyển THPT đã bao gồm điểm ưu tiên, khuyến khích./.